

SDL30/ SDL50

MÁY THỦY BÌNH ĐIỆN TỬ

Tiết kiệm thời gian với công nghệ tiên tiến, dẫn đầu trong ngành

Tốc độ đo nhanh 2,5 giây, độ sáng tối thiểu 20 lux, nhận dạng mìa ngược, độ chính xác cao nhất so với các thiết bị cùng loại

■ Tốc độ đo nhanh 2,5 giây

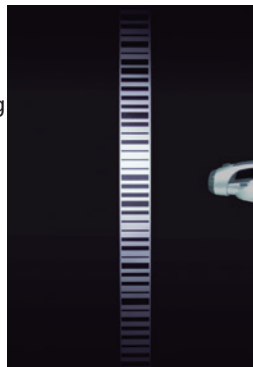
Ngắm, lấy nét và nhấn phím. Chiều cao và khoảng cách được đo đồng thời trong 2,5 giây, nhanh hơn 20% so với các máy thủy bình điện tử thông thường



■ Hiệu suất ổn định trong môi trường đa dạng

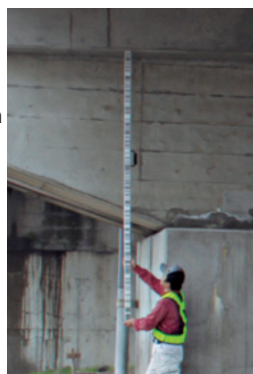
SDL30/50 cung cấp khả năng đo lường vượt trội trong nhiều điều kiện môi trường khác nhau. Ngay cả khi bề mặt mìa bị che bóng một phần, hoặc trong điều kiện ánh sáng yếu khi độ sáng tại bề mặt mìa chỉ 20 lux*, SDL30/50 luôn cung cấp kết quả đo lường đáng tin cậy mà không mất thời gian. Chỉ cần một chiếc đèn pin nhỏ là đủ để chiếu sáng mìa trong bóng tối.

**20 lux được xác định là độ sáng tối thiểu có thể nhận diện được khuôn mặt con người.



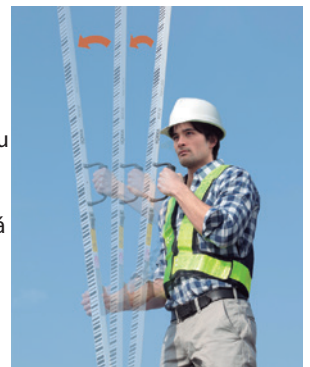
■ Tự động nhận dạng mìa ngược

SDL30/50 tự động nhận dạng hướng của mìa mã vạch RAB-Code và hiển thị kết quả bằng dấu trừ (-) khi mìa bị đảo ngược. Chiều cao của trần nhà, cầu vượt, cầu, biển báo đường bộ, cành cây, đỉnh đường hầm và các vật thể khác có thể dễ dàng đo được mà không cần máy tính.



■ Công nghệ Wave-and-Read

Công nghệ mới "Wave-and-read" cung cấp thêm phong cách đo đạc. SDL30/50 theo dõi mã RAB-Code của mìa được lắp trước và sau để đọc chiều cao chính xác. Giá trị đọc của mìa là giá trị nhỏ nhất khi mìa ở vị trí thẳng đứng. SDL30/50 tự động phát hiện giá trị nhỏ nhất của các giá trị đọc mìa.



■ Lựa chọn độ chính xác

SDL30: 0.4mm (New Super-Invar Staff) / 0.6mm (Invar) / 1.0mm (Fiberglass)
 SDL50: 0.6mm (New Super-Invar Staff) / 0.8mm (Invar) / 1.5mm (Fiberglass)

Chọn mẫu máy thủy bình và loại mìa theo độ chính xác* bạn cần. Sokkia cung cấp mẫu SDL1X hàng đầu cho độ chính xác cao hơn lên đến 0,2mm.

* 1km thủy chuẩn khép vòng

■ Bộ nhớ trong

in the internal memory. Auto mode records data as soon as the measurement

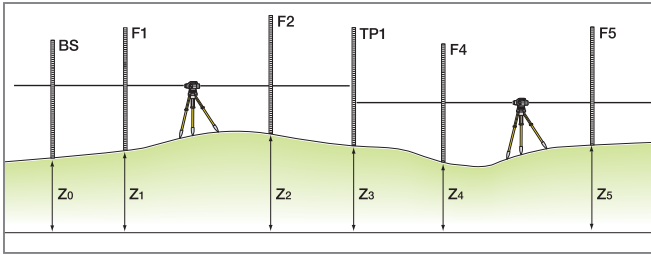


■ Các chương trình tích hợp tiện lợi

Các chương trình đo lường tích hợp của SDL30/50 hỗ trợ các công tác thủy chuẩn và bố trí. Các chương trình bao gồm:

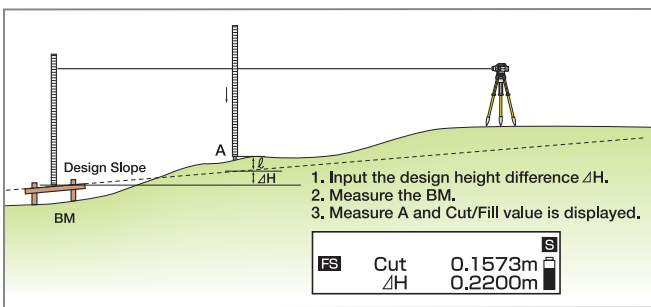
- Đo cao độ ● Đo chênh cao
- Bố trí đào đắp ● Bố trí khoảng cách

■ Cao độ/ chênh cao



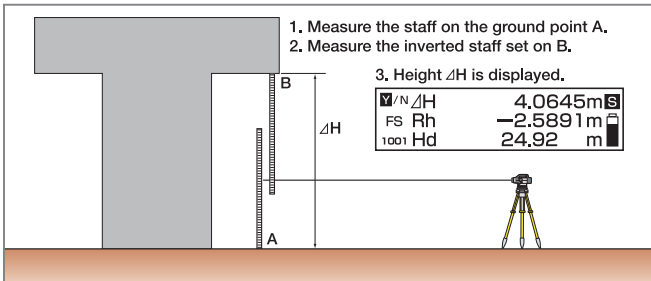
- SDL30/50 tính toán độ chênh cao giữa mia sau (BS) và mia trước (FS).
- Cao độ của mia trước có thể được tính toán bằng cách nhập cao độ của mia sau.

■ Bố trí đào đắp



- Độ dốc có thể được thiết lập bằng chương trình bố trí đào đắp.
- Có thể san phẳng bằng cách nhập chênh cao bằng không (0).

■ Đo chênh cao



- Hai giá trị đo cung cấp chiều cao của điểm B.
- Cao độ có thể được tính bằng cách nhập cao độ mia sau.

■ Mia mã vạch RAB

Chất liệu	Model	Chiều dài	Linear expansion	Số đoạn	Trọng lượng
New Super-Invar	BIS30A	3m (9.9ft.)	±0.1ppm/°C	1	5.5kg (12.2 lb.)
	BIS20	2m (6.6ft.)	1ppm/°C	1	4.3kg (9.5 lb.)
	BIS30	3m (9.9ft.)	1ppm/°C	1	5.5kg (12.2 lb.)

■ SDL30 / SDL50 - Thông số kỹ thuật

Model		SDL30	SDL50
Đo cao độ (ISO 17123-2)*	Điện tử	Mia BIS30A	0.4mm (0.016in.)
		Mia BIS20/30	0.6mm (0.024in.)
		Mia BGS	1.0mm (0.04in.)
	Visual	Mia BGS	2.0mm (0.08in.)
Đo khoảng cách (D: khoảng cách đo)	Điện tử	<±10mm (±0.4in.) [D≤10m (D≤33ft.)] <±0.1% x D [10<D≤50m (33<D≤164ft.)] <±0.2% x D [50<D≤100m (164<D≤328ft.)]	
	Phạm vi đo	1.6 to 100m (5.3 to 328ft.)	
	Thông thường	from 1.5m (5.0ft.)	
Chế độ đo		Đơn / Lặp lại / Trung bình / Liên tục / Wave-and-Read	
Độ phân giải hiển thị	Chiều cao	0.0001/0.001/0.01m (0.001/0.01/1ft., 1/8in.)	
	Khoảng cách	0.01/0.1m (0.1/1ft., 1in.)	
Thời gian đo	Đo đơn/ lặp	<2.5s	
	Đo trung bình	<2.5s x [number of measurements]	
	Đo liên tục	<1s	
Điều kiện độ sáng tối thiểu		20 lux ở bề mặt của mia (với ánh sáng tự nhiên)	
Ống kính	Khẩu độ	45mm (1.8in.)	36mm (1.4in.)
	Độ phóng đại/ độ phân giải	32x / 3"	28x / 3.5"
	Tiêu cự tối thiểu/ trường nhìn	1.5m (5ft.) / 1°20'	
Bộ bù	Kiểu	Bộ bù con lắc với hệ thống giảm chấn	
	Phạm vi hoạt động	±15'	
Độ nhạy của bọt thủy tròn		10'/2mm	
Vành độ ngang		Đường kính: 103mm (4in.), Độ chia: 1° (1gon)	
Hiển thị		Màn hình LCD (128 x 32 dot) có đèn chiếu sáng	
Bàn phím		8 phím (7 phím ở mặt trước, 1 phím ở mặt sau)	
Lưu trữ dữ liệu		Bộ nhớ trong 2,000 điểm	
Trường nhìn		RS-232C, tốc độ truyền 1.200 đến 38.400bps	
Chương trình trên máy		Đo cao độ/Đo chênh cao/Bố trí đào đắp/Bố trí khoảng cách/Đo chiều cao	
Chỉ số chống bụi/ nước		IPX4 (IEC60529:2001)	
Nhiệt độ hoạt động		-20 to +50°C (-4 to 122°F)	
Kích thước		W158 x D257 x H182mm (W6.2 x D10.1 x H7.2in.)	
Trọng lượng có pin		2.4kg (5.3 lb.)	
Pin chuẩn		BDC71 (Rechargeable Li-ion, 7.2V)	
Thời gian hoạt động		Khoảng 16 giờ ở 25°C (77°F)	

* Độ lệch chuẩn cho 1km thủy chuẩn khép vòng

■ Cấu hình chuẩn

Máy thủy bình SDL30/SDL50, pin BDC71, bộ sạc CDC77, cáp nguồn EDC113A/B/C, bộ dụng cụ, nắp che bụi, khăn lau, sách hướng dẫn sử dụng, hộp đựng máy

■ Phụ kiện tùy chọn

- DE23 Kính ngắm chéo
- GS60L Bọt thủy tròn cho mia

Chất liệu	Model	Chiều dài	Rear graduation	Số đoạn	Trọng lượng
Thủy tinh	BGS40	4m (13.2ft.)	Metric	3	2.4kg (5.3 lb.)
	BGS50	5m (16.4ft.)	Metric	4	3kg (6.6 lb.)
	BGS50G3	5m (16.4ft.)	feet/10th/100th	4	3kg (6.6 lb.)
Nhôm	BAS55	5m (16.4ft.)	Metric	5	1.9kg (4.2 lb.)



TOPCON CORPORATION

75-1 Hasunuma-cho, Itabashi-ku, Tokyo 174-8580, Japan
Phone: (+ 81)3- 355 8-2993 Fax: (+ 81)3- 3960-4 214
www.topcon.co.jp

- Thông số kỹ thuật có thể thay đổi tùy theo khu vực và có thể thay đổi mà không cần báo trước.
- Các nhãn hiệu và tên thương mại khác là của chủ sở hữu tương ứng.

Your Local Authorized Dealer is: